

Số: 308 /TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá một số mặt hàng thuốc Biệt Dược gốc phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2025-2026

Kính gửi: Các công ty sản xuất/ nhập khẩu/ kinh doanh thuốc.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

Căn cứ thông tư 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế về việc Quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá.

Căn cứ Văn bản số 1970/TTMS-NVD ngày 27/8/2024 của trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc chủ động tổ chức lựa chọn nhà thầu các thuốc thuộc Danh mục áp dụng hình thức Đàm phán giá và Văn bản số 784/TTMS-NVD ngày 22/5/2024 về việc chủ động mua sắm các thuốc thuộc Danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá tại Thông tư 05/2024/TT-BYT.

Để có thêm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuốc Biệt dược gốc cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2025-2026. Bệnh viện đề nghị công ty báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh theo Danh mục mời báo giá tại Phụ lục 01 kèm theo và báo giá theo biểu mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo.

Văn bản báo giá của công ty đề nghị gửi về Ds Nguyễn Thị Hòa – Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) trước **16 giờ 30 phút ngày 17/2/2025**.

Đồng thời gửi kèm bản điện tử báo giá vào hòm thư khoaduocbvtquangninh@gmail.com.



Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị công ty liên hệ Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, số điện thoại: 02033625468 để được hướng dẫn, giải đáp.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT.



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo thông báo 308/TB-BVT ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
1	BDG01	Singulair	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	10mg	Uống	Viên	Viên	500	BDG
2	BDG02	Singulair 4mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	4mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	400	BDG
3	BDG03	Amlor	Amlodipin	5mg	Uống	Viên	Viên	6.000	BDG
4	BDG04	Anzatax 100mg/16,7ml	Paclitaxel	100mg/16,7ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	50	BDG
5	BDG05	Anzatax 30mg/5ml	Paclitaxel	30mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	20	BDG
6	BDG06	Augmentin 1g	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat potassium)	875mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	3.000	BDG
7	BDG07	Avastin	Bevacizumab	100mg/4ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	130	BDG
8	BDG08	Betaloc ZOK 25mg	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	23,75mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	12.000	BDG
9	BDG09	Campto	Irinotecan hydrochlorid trihydrate	40mg/2ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	30	BDG
10	BDG10	Campto	Irinotecan hydrochlorid trihydrate	100mg/5ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	30	BDG
11	BDG11	Cerebrolysin	Peptides (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml; 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	5.000	BDG
12	BDG12	Combivent	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate)	0,5mg; 2,5mg	Dạng hít	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/túi/ống/gói/nang	15.000	BDG
13	BDG13	Concor 5mg	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên	Viên	1.200	BDG
14	BDG14	Concor Cor	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên	Viên	1.200	BDG
15	BDG15	Coversyl 5mg	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	20.000	BDG
16	BDG16	Crestor 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên	Viên	20.000	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
17	BDG17	Diamicon MR	Gliclazide	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	20.000	BDG
18	BDG18	Diamicon MR 60mg	Gliclazid	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	5.000	BDG
19	BDG19	Diflucan IV	Fluconazol	200mg/100ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	700	BDG
20	BDG20	Duoplavin	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat); Acid acetylsalicylic	75mg; 100mg	Uống	Viên	Viên	8.000	BDG
21	BDG21	Eprex 2000 U	Epoetin alfa	2000 IU/0,5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	5.000	BDG
22	BDG22	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate); Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
23	BDG23	Glucophage XR 750mg	Metformin hydrochlorid	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2.000	BDG
24	BDG24	Herceptin	Trastuzumab	440mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	2	BDG
25	BDG25	Herceptin	Trastuzumab	150mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	10	BDG
26	BDG26	Invanz	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	1g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	200	BDG
27	BDG27	Iressa	Gefitinib	250mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
28	BDG28	Lantus	Insulin glargine	100 đơn vị/ml (1000 đơn vị/lọ 10ml)	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	300	BDG
29	BDG29	Lipitor	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên	Viên	8.000	BDG
30	BDG30	Lipofundin MCT/LCT 20%	Medium-chain Triglycerides; Soya- bean Oil	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides 10,0g; Soya-bean oil 10,0g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	300	BDG
31	BDG31	Lovenox	Enoxaparin Natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml (40mg/0,4ml)	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	2.500	BDG
32	BDG32	Lovenox	Enoxaparin Natri	6000 anti-Xa IU/0,6ml (60mg/0,6ml)	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1.000	BDG
33	BDG33	Mabthera	Rituximab	100mg/10ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	10	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
34	BDG34	Mabthera	Rituximab	1400mg/11,7 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	10	BDG
35	BDG35	Mabthera	Rituximab	500mg/ 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	10	BDG
36	BDG36	Meronem	Meropenem (dưới dạng meropenem trihydrate)	1000mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	4.000	BDG
37	BDG37	Micardis	Telmisartan	40mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
38	BDG38	Nebilet	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	5mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
39	BDG39	Neulastim	Pegfilgrastim	6mg/0,6ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm Tiêm	3	BDG
40	BDG40	Neurontin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
41	BDG41	Nexium	Esomeprazol natri (tương đương với esomeprazol 40mg)	42,5mg	Tiêm/ Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	500	BDG
42	BDG42	Oflovid	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/túi/ống/gói	200	BDG
43	BDG43	Oflovid Ophthalmic Ointment	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	300	BDG
44	BDG44	Omnipaque	Iohecol	647mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml) x 100ml	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạch/ các khoang của cơ thể)	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	600	BDG
45	BDG45	Omnipaque	Iohecol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml x 50ml	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạch/ các khoang của cơ thể)	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	2.000	BDG
46	BDG46	Plavix 75mg	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương với Clopidogrel base	75mg	Uống	Viên	Viên	13.000	BDG
47	BDG47	Plavix	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương với Clopidogrel base	300mg	Uống	Viên	Viên	300	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
48	BDG48	Procoralan 5mg	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride) 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
49	BDG49	Rocephin 1g I.V	Ceftriaxone (dưới dạng Ceftriaxone natri)	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	10.000	BDG
50	BDG50	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Salmeterol (dạng xinafoate micronised); Fluticasone propionate (dạng micronised)	Mỗi liều xịt chứa: 25 mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised); 120 liều	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/lọ/túi/ống/bình	800	BDG
51	BDG51	Sevorane	Sevofluran	100% w/w (250ml)	Gây mê qua đường hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/lọ/túi/ống/gói	120	BDG
52	BDG52	Solu-Medrol	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	6.000	BDG
53	BDG53	Solu-Medrol	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	500mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	500	BDG
54	BDG54	Symbicort Rapihaler	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	(160mcg; 4,5mcg)/liều ; 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/lọ/túi/ống/bình	250	BDG
55	BDG55	Symbicort Turbuhaler	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	(160mcg; 4,5mcg)/liều ; 60 liều	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/lọ/túi/ống/bình	3.000	BDG
56	BDG56	Tarceva	Erlotinib (dưới dạng Erlotinib hydrochloride)	150mg	Uống	Viên	Viên	450	BDG
57	BDG57	Tavanic	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	8.000	BDG
58	BDG58	Taxotere	Docetaxel khan (dưới dạng Docetaxel trihydrate)	20mg/1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	20	BDG
59	BDG59	Taxotere	Docetaxel khan (dưới dạng Docetaxel trihydrate)	80mg/4ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	20	BDG
60	BDG60	Tazocin	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin Natri); Tazobactam (dưới dạng Tazobactam Natri)	4g; 0,5g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	3.000	BDG
61	BDG61	Unasyn	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri); Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri)	0,5g; 1g	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	4.500	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
62	BDG62	Visipaque	Iodixanol	652mg/ml (320mg I/ml) x 100ml	Tiêm (tĩnh mạch/đông mạch/khoang thể) của cơ	Thuốc tiêm	Chai/lọ/tuỳ/ống/gói	300	BDG
63	BDG63	Zinnat tablets	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime axetil)	500mg	Uống	Viên	Viên	3.000	BDG
64	BDG64	Zoladex	Goserelin (dưới dạng Goserelin acetat)	3,6mg	Tiêm da	Thuốc cấy dưới da	Bom tiêm	50	BDG
65	BDG65	Zytiga	Abiraterone acetate	250mg	Uống	Viên	Viên	100	BDG
66	BDG66	Tygacil	Tigecyclin	50mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/tuỳ/ống/gói	500	BDG
67	BDG67	Zyvox	Linezolid	600mg/300ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/tuỳ/ống/gói	500	BDG
68	BDG68	Cancidas	Caspofungin (dưới dạng caspofungin acetate 55,5 mg)	50 mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/tuỳ/ống/gói	100	BDG
69	BDG69	Tienam	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat); Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri)	500mg; 500mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/tuỳ/ống/gói	2.400	BDG
70	BDG70	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên	Viên	3.000	BDG
71	BDG71	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
72	BDG72	Dafion 500mg	Phân đoạn Flavonoid vi hạt 90%; Các Flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
73	BDG73	Vastarel OD 80mg	Trimetazidin dihydrochloride	80mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	15.000	BDG
74	BDG74	Diovan 80	Valsartan	80mg	Uống	Viên	Viên	3.000	BDG
75	BDG75	Diovan 160	Valsartan	160mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
76	BDG76	Co-Diovan 160/25	Valsartan; Hydrochlorothiazide	160mg; 25mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
77	BDG77	Co-Diovan 80/12,5	Valsartan; Hydrochlorothiazide	80mg; 12,5mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
78	BDG78	Galvus	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên	Viên	1.500	BDG
79	BDG79	Procortalan 7,5mg	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride)	7,5mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
80	BDG80	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
81	BDG81	Adalat LA 30mg	Nifedipin	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	5.000	BDG
82	BDG82	Xarelto	Rivaroxaban	2,5mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
83	BDG83	Clamoxyl 250mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1.000	BDG
84	BDG84	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/túi/ống/gói	200	BDG
85	BDG85	Luvox 100mg	Fluvoxamine maleate	100mg	Uống	Viên	viên	3.000	BDG
86	BDG86	Lyrica	Pregabalin	75mg	Uống	Viên	viên	3.000	BDG
87	BDG87	Harnal Ocas 0,4mg	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	3.000	BDG
88	BDG88	Vesicare 5mg	Solifenacin succinate	5mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
89	BDG89	Elthon 50mg	Itoprid hydroclorid	50mg	Uống	Viên	Viên	5.000	BDG
90	BDG90	Arcoxia 90mg	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
91	BDG91	Spasmomen	Otilonium bromide	40mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
92	BDG92	Sympal	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	25mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
93	BDG93	Broncho-Vaxom Adults	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 40 mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branhamella/Neisseria) catarrhalis 7 mg	7 mg	Uống	Viên	Viên	10.000	BDG
94	BDG94	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500 mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
95	BDG95	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Hít	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống/nang	30.000	BDG
96	BDG96	Pulmicort Respules	Budesonide	1mg/2ml	Hít	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống/nang	10.000	BDG
97	BDG97	Bambec	Bambuterol hydroclorid	10 mg	Uống	Viên	Viên	10.000	BDG
98	BDG98	Avelox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	400mg/250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	1.000	BDG
99	BDG99	Avelox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	400 mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
100	BDG100	Cellcept	Mycophenolate mofetil	250mg	Uống	Viên	Viên	2.000	BDG
101	BDG101	Prograf 0.5mg	Tacrolimus	0,5mg	Uống	Viên	Viên	900	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
102	BDG102	Prograf 1mg	Tacrolimus	1mg	Uống	Viên	Viên	540	BDG
103	BDG103	Simulect	Basiliximab	20mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	6	BDG
104	BDG104	Zinacef	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	750mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/túi/ống/gói	500	BDG
105	BDG105	Viartril-S	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamine sulfate	1500 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	3.000	BDG
106	BDG106	Viartril-S	Glucosamin sulfate	250 mg	Uống	Viên	Viên	6.000	BDG
107	BDG107	Ilomedin 20	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	20mcg/ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	50	BDG
108	BDG108	Bilaxten	Bilastin	20mg	Uống	Viên	Viên	1.000	BDG
109	BDG109	Aminoplasmal® B. Braun 5% E	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng Lysine hydrochloride); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic Acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Isoleucine 0,625gam; Leucine 1,1125gam; Lysine hydrochloride (tương đương với Lysine 0,8575 gam) 1,07 gam; Methionine 0,55 gam; Phenylalanine 0,5875gam; Threonine 0,525gam; Tryptophan 0,20gam; Valine 0,775gam; Arginine 1,4375gam; Histidine 0,375gam; Alanine 1,3125gam; Glycine 1,50gam; Aspartic acid 0,70gam; Glutamic Acid 0,9gam; Proline 0,6875gam; Serine 0,2875gam; Tyrosine 0,10gam; Sodium acetate trihydrate 0,34025gam; Sodium hydroxide 0,035gam; Potassium acetate 0,61325gam; Sodium chloride 0,241 gam; Magnesium chloride hexahydrate 0,127gam; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525gam/ 250ml; 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	7.000	BDG

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Nhóm
110	BDG110	Aminoplasmal® B. Braun 5% E	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng Lysine hydrochloride); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic Acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Isoleucine 0,625gam; Leucine 1,1125gam; Lysine hydrochloride (tương đương với Lysine 0,8575 gam) 1,07 gam; Methionine 0,55 gam; Phenylalanine 0,5875gam; Threonine 0,525gam; Tryptophan 0,20gam; Valine 0,775gam; Arginine 1,4375gam; Histidine 0,375gam; Alanine 1,3125gam; Glycine 1,50gam; Aspartic acid 0,70gam; Glutamic Acid 0,9gam; Proline 0,6875gam; Serine 0,2875gam; Tyrosine 0,10gam; Sodium acetate trihydrate 0,34025gam; Sodium hydroxide 0,035gam; Potassium acetate 0,61325gam; Sodium chloride 0,241 gam; Magnesium chloride hexahydrate 0,127gam; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525gam/ 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống/gói	4.000	BDG
111	BDG111	Navelbine 20mg	Vinorelbine	20mg	Uống	Viên nang	Viên	500	BDG
112	BDG112	Navelbine 30mg	Vinorelbine	30mg	Uống	Viên nang	Viên	400	BDG

Tổng 112 khoản./.



PHỤ LỤC 02

BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 308 /TB-BVT ngày 7/2/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Thông tin của đơn vị báo giá
(Tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Thông báo số 308/TB-BVT ngày 7/2/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Chúng tôi (tên đơn vị.....) có địa chỉ tại:

Xin gửi đến Quý Bệnh viện báo giá và thông tin của hàng hóa như sau:

STT	Mã theo Danh mục mời báo giá	Nhóm TCKT(*)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Đường dùng	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế(*)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá KK/KKL còn hiệu lực (VNĐ)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Ghi chú	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất			Ghi Chú
															Giá trúng thầu (VNĐ) (Có VAT)	Số QĐ phê duyệt trúng thầu, đơn vị trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(17)	(18)	(19)	19
1																		
...																		
Ghi chú: Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin (3),(4) Công ty cung cấp thông tin của mặt hàng thuốc báo giá theo quy định Thông tư số 07/2024/TT-BYT. (14) Đơn giá là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (17, 18, 19) Giá trúng thầu ưu tiên giá đã được công khai trên cổng thông tin của Bộ Y tế; Đơn vị cung cấp kèm theo bản san hợp đồng đã trúng thầu (nếu có) kèm theo.																		

Báo giá có hiệu lực kể từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

Đại diện hợp pháp của
đơn vị báo giá
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]